

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 06 tháng 01 năm 2022

Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Trọng Tâm

Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Xuân Thùy Dương là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2021/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 664/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê H M, sinh năm 1975 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Phạm H T, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã Đ, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lê H M trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Phạm H T kết hôn với nhau vào năm 2001, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi thường xuyên, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc và đã ly thân với nhau khoảng 03 năm nay. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm K N, sinh năm 2002 và Phạm Lê K N, sinh năm 2008. Các con chung hiện đang sống cùng với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung tên Phạm Lê K N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Phạm K N nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đối với bị đơn ông Phạm H T: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Phạm H T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do; Bà Lê H M có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Lê H M và ông Phạm H T kết hôn với nhau vào năm 2001, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông T được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà M xác định không còn tình cảm yêu thương ông T, hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà M mong muốn được ly hôn và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng đã ly thân với nhau khoảng 03 năm nay. Đối với ông Phạm H T, Tòa án đã thông báo cho ông T biết về yêu cầu khởi kiện của bà M, nhưng ông T không có ý kiến gì. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà M được ly hôn với ông T.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Phạm K N, sinh năm 2002 và Phạm Lê K N, sinh năm 2008. Đối với cháu Phạm K N nay đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Đối với cháu Phạm Lê K N có nguyện vọng sống cùng với bà M, cuộc sống đã ổn định nên cần giao con chung Khánh Nguyên cho bà M nuôi dưỡng là phù hợp. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông T không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà M phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê H M được ly hôn với ông Phạm H T.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Lê K N, sinh năm 2008 cho bà M tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông T không trực tiếp nuôi con, có quyền lui tới thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà M xác định không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà M phải chịu 300.000 đồng.

Ngày 07/7/2021 bà Mận đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0001277 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã Trần Hợi, huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kiều Trang